

Bản án số: 1063/2018/KDTM-PT

Ngày: 19/11/2018

V/v *Tranh chấp hợp đồng thi công*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HCM**

**Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Trinh**

Các Thẩm phán:

**Ông Ngô Văn Dũng**

**Bà Vũ Thị Thu Hà**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: **Bà Bùi Thị Thanh Phượng** – Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố HCM

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố HCM tham gia phiên tòa: Bà **Thân Trọng Minh Phương** – Kiểm sát viên

Trong các ngày 03, 29 tháng 10 năm 2018 và ngày 19 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố HCM: số 26 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố HCM xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2018/KDTM-PT ngày 06/7/2018 về việc tranh chấp hợp đồng thi công

Do bản án kinh doanh sơ thẩm số 44/2018/DS-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố HCM bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4016/2018/QĐ-PT ngày 04/9/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 7384/2018/QĐ-PT ngày 19/9/2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Công ty CP Tư vấn và Xây dựng C**

Địa chỉ: Lô B1-11 LVT, phường H, quận T, Thành phố ĐN

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hoàng Trung H - sinh năm 1979 (Giấy ủy quyền ngày 04/4/2018), phiên tòa ngày 19/11/2012 ông H xin vắng mặt (đơn xin vắng mặt ngày 12/11/2018)

**2. Bị đơn: Công ty CP Đầu tư và X.**

Địa chỉ: 411/5 Nguyễn Thái B, Phường 12, quận B Thành phố HCM.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Phước T - sinh năm 1952

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc L - Luật sư thuộc đoàn luật sư tỉnh N.

**3. Người kháng cáo: Công ty CP Đầu tư và X**

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì sự việc được tóm tắt như sau:

Tại đơn khởi kiện và các bản tự khai, hòa giải ông Nguyễn Hoàng Trung H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty CP Tư vấn và Xây dựng C trình bày:

Ngày 30/7/2012, Công ty CP Tư vấn và Xây dựng C (viết tắt là Công ty C) và Công ty Cổ phần Đầu tư và X (viết tắt là Công ty 589) có ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 187/2012/HĐXL ngày 30/7/2012, nội dung: thiết kế và thi công con đường tạm dẫn đến khu du lịch Laguma Lãng C, địa chỉ: Thôn An Cư T, Lãng C, PL, TTH. Công trình đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng. Nguyên đơn đã xuất tổng cộng 04 hóa đơn với tổng giá trị là 10.390.602.000 đồng, bị đơn đã thanh toán 8.330.100.000 đồng, còn nợ lại 2.060.502.000 đồng.

Ngày 30/8/2012, Công ty C và Công ty 589 ký kết hợp đồng thi công xây dựng số 35/2012/HĐXL, nội dung: thiết kế và thi công nhà kết hôn cho khu nghỉ mát Laguma Lãng C, công trình đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng. Nguyên đơn đã xuất hai hóa đơn cho bị đơn với tổng giá trị là 827.749.000 đồng, bị đơn đã thanh toán được 500.000.000 đồng, còn nợ 327.749.000 đồng.

Sau đó hai bên tiếp tục ký kết Biên bản thống nhất số 02/2013/BBTN, biên bản thống nhất 07/2013/BBTN và biên bản thống nhất số 32/2013/BBTN. Các công trình đã được nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng. Nguyên đơn đã xuất 03 hóa đơn cho bị đơn với tổng giá trị là 225.056.355 đồng.

Như vậy, tổng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán là 15.353.710.355 đồng, bị đơn đã thanh toán 12.710.100.000 đồng và trong quá trình khởi kiện bị đơn thanh toán 462.963.000 đồng, tổng cộng 13.173.063.000 đồng, còn nợ lại 2.180.638.355 đồng, tiền lãi từ 25/9/2013 đến 25/5/2018 là:  $2.180.638.355 \text{ đồng} \times 9\% / \text{năm} (0.025\% / \text{ngày}) \times 1.703 \text{ ngày} = 915.688.879 \text{ đồng}$ . Tổng cộng gốc và lãi là 3.096.327.234 đồng. Yêu cầu thanh toán số tiền nêu trên một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và X có ông Trần Phước T đại diện theo pháp luật trình bày:

Ông đại diện Công ty 589 xác nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết Hợp đồng số 187/2012/HĐXL ngày 30/7/2012; Hợp đồng số 35/2012/HĐXL ngày 30/8/2012, Các biên bản thống nhất mang số 02/2013/BBTN, biên bản thống nhất 07/2013/BBTN và biên bản thống nhất số 32/2013/BBTN. Tuy nhiên, ông không đồng ý với số tiền gốc mà nguyên đơn yêu cầu vì bị đơn đã thanh toán nhiều hơn. Ngoài ra, ông S, bà B và ông T còn ký hợp đồng liên danh cùng hợp tác thi công và chia lợi nhuận. Vì vậy, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc và lãi.

Tại bản án số 44/2018/DS-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố HCM đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng C: Buộc bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và X thanh toán số tiền thi công còn thiếu là 2.180.638.355 đồng và tiền lãi là 915.688.879 đồng, tổng cộng 3.096.327.234 đồng. Thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn chưa thi hành xong các khoản tiền phải trả thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 05/6/2018, Công ty Cổ phần Đầu tư và X kháng cáo toàn bộ bản án số 44/2018/DS-ST ngày 25/5/2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố HCM

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Trần Phước T - đại diện bị đơn xuất trình bản chính các văn bản gồm: Biên bản họp thống nhất chủ trương liên danh ngày 01/3/2012 giữa các thành viên: Công ty CP Đầu tư và X, Công ty CP Tư vấn và Xây dựng C và Công ty CP Phước Nguyên L; Công văn số 34 ngày 26/7/2012 về việc xin nhận thầu xây dựng công trình của Công ty C; Công văn số 29 ngày 26/9/2013 của C về việc Xử lý các vấn đề liên danh trong quá trình thực hiện liên danh các công trình; Bản viết tay của ông S về Phương án giải quyết các công trình đã hoàn thành; Bản kê khai thanh toán tổng hợp và bản viết tay của bà B viết số tiền ông T, ông S, bà B ký nhận số tiền để chứng minh dự án: Thiết kế và xây dựng con đường tạm thời đến khu đất để xây dựng khu nghỉ mát Banyan T và xây dựng công trình kiến trúc nhà kết hôn cho khu nghỉ mát Banyan T tại thôn Cù Dù, xã L Vĩnh, huyện Phú L, tỉnh Thừa Thiên Huế (gọi là công trình Laguna L.C- gồm hợp đồng thi công xây dựng số 187/2012 ngày 30/7/2012, Hợp đồng số 35/2012 ngày 30/8/2012, Hợp đồng số 16/2013 ngày 28/3/2013 và các biên bản thống nhất số 02/20113, số 07/2013 và 32/2013 giữa Công ty 589 và Công ty C) là hợp đồng liên danh. Sau khi hoàn thành công trình, các bên chưa ngồi lại để tính toán các công nợ và số tiền lợi nhuận của dự án nêu trên nên với yêu cầu của Công ty C, bị đơn không đồng ý và yêu cầu tòa đưa Công ty Phước Nguyên L vào tham gia tố tụng để làm rõ số tiền các bên đã ứng và số tiền lợi nhuận trong dự án trên là bao nhiêu.

Ông Nguyễn Hoàng Trung H- đại diện cho Nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào các hợp đồng thi công xây dựng số 187 ngày 30/7/2012, hợp đồng số 35 ngày 30/8/2012, hợp đồng số 16 ngày 28/3/2013 và các biên bản thống nhất số 02/2013, số 07/2013 và số 32/2013 giữa Công ty 589 (bị đơn) và Công ty C (nguyên đơn) thì nguyên đơn có thiết kế và xây dựng con đường tạm thời đến khu đất để xây dựng khu nghỉ mát Banyan T và nhà kết hôn cho khu nghỉ mát

Banyan T (Laguna L.C) tại tỉnh TTH, với tổng giá trị là 15.353.710.355 đồng, bị đơn đã thanh toán 13.173.063.000 đồng, còn lại 2.180.638.355 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán và số lãi 915.688.879 đồng (lãi tính từ ngày 25/9/2013 đến ngày 25/5/2018 với mức lãi suất 9%/năm). Các văn bản bị đơn xuất trình, nguyên đơn chỉ thừa nhận Biên bản họp thống nhất chủ trương liên danh ngày 01/3/2012 là do ông Hoàng Nguyên S – Giám đốc Công ty C ký là liên danh thực hiện công trình kè bao TP không phải liên danh công trình Laguna L.C, còn các văn bản còn lại là do lúc đó ông S ủy quyền cho bà B, tin tưởng bà B nên bà B đưa giấy trắng cho ông S ký không có nội dung, cũng như bản viết tay phương án giải quyết các công trình đã hoàn thành không phải ông S viết và ông không yêu cầu tòa cho giám định lại chữ viết, chữ ký tên ông S; vì vậy đề nghị cấp phúc thẩm y án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của Công ty 589.

Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho Bị đơn phát biểu ý kiến:

Căn cứ vào các văn bản bị đơn xuất trình tại tòa: Biên bản họp thống nhất chủ trương liên doanh ngày 01/3/2012 giữa các thành viên: Công ty CP Đầu tư và X, Công ty CP Tư vấn và Xây dựng C và Công ty CP Phước Nguyên L; Công văn số 34 ngày 26/7/2012 về việc xin nhận thầu xây dựng công trình của Công ty C; Công văn số 29 ngày 26/9/2013 của Công ty C về việc Xử lý các vấn đề liên danh trong quá trình thực hiện liên danh các công trình; Bản viết tay của ông S về Phương án giải quyết các công trình đã hoàn thành; Bản kê khai thanh toán tổng hợp ngày 16/1/2014 và bản viết tay của bà B viết số tiền ông T, ông S, bà B ký nhận trong quá trình thực hiện dự án Công trình Laguna L.C thì có đủ cơ sở xác định dự án Công trình Laguna L.C là liên danh giữa ba Công ty, gồm: Công ty 589, công ty C và Công ty Phước Nguyên L, dự án này cả 03 cùng góp vốn và chia lợi nhuận nhưng sau khi hoàn thành dự án các bên chưa đối cH công nợ và lợi nhuận của dự án này. Cấp sơ thẩm không đưa Công ty Phước Nguyên L vào tham gia tố tụng là H làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ hợp pháp của Công ty Phước Nguyên L nên đề nghị tòa hủy án sơ thẩm theo yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Trường hợp tòa không xác định dự án Laguna L.C không phải liên danh thì yêu cầu tòa sửa án vì thực tế bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn nhiều hơn hai hợp đồng mà nguyên đơn khởi kiện.

Đại diện Viên Kiểm sát nhân dân Thành phố HCM tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa, hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự quy định của pháp luật.

Các đương sự chấp hành đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Bị đơn xuất trình bản chính của các văn bản như Biên bản họp thống nhất chủ trương liên danh ngày 01/3/2012, công văn số 34 ngày 26/7/2018, công văn số 29 ngày 26/9/2013, bản kê khai thanh toán tổng hợp ngày 16/01/2014... thì có đủ cơ sở xác định tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn theo Hợp đồng thi công xây dựng số 187 ngày 30/7/2012, Hợp đồng số 35 ngày 30/8/2012 và các biên bản thống nhất số 02, số 07 và 32 là Hợp đồng liên

danh giữa 03 Công ty gồm: Công ty Cổ phần và X; Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng C và Công ty CP Phước Nguyên L. Cấp sơ thẩm không đưa Công ty CP Phước Nguyên L là tH, vi phạm tố tụng. Mặt khác, tại đơn khởi kiện ngày 30/9/2016 nguyên đơn chỉ khởi kiện Hợp đồng thi công xây dựng số 187, 35 và các biên bản thống nhất số 02,07, 32 nhưng án sơ thẩm xét xử thêm hợp đồng thi công xây dựng số 16 ngày 28/3/2018 là vượt quá yêu cầu khởi kiện và phát sinh tình tiết mới nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy án sơ thẩm, chuyển toàn bộ hồ sơ về cấp sơ thẩm giải quyết lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng C khởi kiện Công ty Cổ phần Đầu tư và X thanh toán khoản tiền từ các Hợp đồng thi công còn tH; đây là vụ án kinh doanh thương mại – Công ty 589 có trụ sở tại quận B, như vậy, tòa án nhân dân quận B thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng theo điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng C ủy quyền cho ông Nguyễn Hoàng Trung H, việc ủy quyền này là phù hợp với Điều 85 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ngày 13/11/2018, Tòa án nhận được đơn xin dời lịch phiên tòa lúc 14 giờ 00 phút, ngày 19/11/2018 và bản tranh luận của ông Hoàng Nguyên S – Chủ tịch HĐQT – đại diện theo pháp luật của Công ty C; Hội đồng xét xử, xét thấy, vụ án đã mở phiên tòa xét xử vào các ngày 03 và 29 tháng 10 năm 2018 đã kết thúc phần tranh tụng chuyển sang phần tranh luận, mặt khác ngày 12/11/2018 tòa án đã nhận được đơn xin xét xử vắng mặt của ông Nguyễn Hoàng Trung H; do vậy với yêu cầu của ông Hoàng Nguyên S là không có cơ sở chấp nhận, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn yêu cầu hủy án sơ thẩm, vì cấp sơ thẩm không đưa Công ty Cổ phần Phước Nguyên L vào tham gia trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là vi phạm thủ tục tố tụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T đại diện Công ty 589 xuất trình bản chính các văn bản như: Biên bản họp thống nhất chủ trương liên danh ngày 01/3/2012, gồm: Đại diện các thành viên liên danh: 1. Đại diện Công ty CPĐT& XD 589 – Ông Trần Phước T - Giám đốc; 2. Đại diện Công ty CPTV& XD C – Ông Hoàng Nguyên S – Giám đốc; 3. Đại diện Công ty Phước Nguyên L – bà Trần Thị Ngọc B – Giám đốc, nội dung: ... Liên danh Công trình kè TP; Công văn số 34/KHKT ngày 26/7/2012 của Công ty C gửi cho Công ty 589, nội dung: ... Được biết Công ty 589 được Công ty TNHH Luguna Việt Nam giao thầu thiết kế thi công con đường Bê tông Cement tạm thời đến khu đất để xây dựng khu

ngủ mát Banyan T tại thôn Cù Dù, xã L Vĩnh, huyện Phú L, tỉnh TTH. Công ty C đề nghị Công ty 589 xem xét cho Công ty chúng tôi được liên kết làm thầu phụ đảm nhận thi công công trình trên...; Công văn số 29/KHKT ngày 26/9/2013, nội dung: Theo thỏa thuận thực hiện góp vốn Liên danh để thực hiện thi công các gói thầu mà công ty 589 trúng thầu và giao thầu lại cho công ty C (Kè TP, Công trình Laguna L.C)...Tập trung rà soát đối chiếu công nợ để có hướng giải quyết các khoản nợ mà Công ty C đứng ra ký hợp đồng. Tập trung nguồn vốn để phục vụ sự cố hư hỏng...; bản viết tay về phương án giải quyết các công trình hoàn thành trong đó có Công trình Laguna (theo bị đơn do ông Hoàng Nguyên S – Giám đốc C viết) nội dung: Thực hiện như kè TP (1.1.1.3); tính toán lợi nhuận...; bản viết tay ghi số tiền ông T, ông S, bà B nhận (theo bị đơn do bà B viết) và Bảng kê thanh toán tổng hợp ngày 16/01/2014. Điều này cho thấy, các văn bản trên đều thể hiện dự án Thiết kiến và xây dựng con đường tạm thời đến khu đất để xây dựng khu nghỉ mát Banyan T và thiết kế và xây dựng công trình kiến trúc nhà kết hôn cho khu nghỉ mát Banyan T (gọi là Công trình Laguna L.C) mà giữa Công ty C và Công ty 589 ký kết Hợp đồng thi công xây dựng số 187 ngày 30/7/2012, hợp đồng số 35 ngày 30/8/2012, hợp đồng số 16 ngày 28/3/2013 và các biên bản thống nhất số 02/2013, số 07/2013 và số 32/2013 giữa Công ty 589 (bị đơn) và Công ty C (nguyên đơn) là hợp đồng liên danh giữa Công ty C, Công ty 589 và Công ty Phước Nguyên L. Do vậy, với yêu cầu kháng cáo của Công ty 589 là có căn cứ cần phải xem xét.

Đối với ý kiến của đại diện Công ty C, xác nhận giữa ba bên có ký biên bản hợp đồng thống nhất chủ trương liên danh ngày 01/3/2012 là liên danh Công trình kè TP. Còn Hợp đồng thi công xây dựng số 187 ngày 30/7/2012, Hợp đồng số 35 ngày 30/8/2012, Hợp đồng số 16 ngày 28/3/2013 và các biên bản thống nhất số 02/2013, số 07/2013 và số 32/2013 là giữa Công ty 589 và Công ty C ký kết là dự án Công trình Laguna L.C, không có liên danh. Các văn bản bị đơn xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm là do lúc đó ông S tin tưởng giao cho bà B toàn quyền quyết định về dự án Laguna L.C nên bà B đưa ông S ký không vào bản, cũng như văn bản viết tay mà ông T cho rằng do ông S viết, không phải ông S viết và cũng không yêu cầu Tòa cho trưng cầu giám định chữ viết của ông S; Hội đồng xét xử, xét thấy, tại phiên tòa, ông H – đại diện nguyên đơn phủ nhận các văn bản của bị đơn xuất trình nhưng lại không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, trong khi đó văn bản số 34 ngày 26/7/2012 và số 29 ngày 26/9/2013 của Công ty C gửi cho Công ty 589 có ký tên Chủ tịch HĐQT Hoàng Nguyên S và đóng dấu Công ty Cổ phần tư vấn và xây dựng C thì đại diện Công ty C không thể phủ nhận các văn bản nêu trên là ông S ký không, không biết về nội dung là không có căn cứ để xem xét.

Căn cứ vào bản chính của các văn bản ông T đại diện Công ty 589 xuất trình tại phiên tòa phúc thẩm như: Biên bản hợp đồng thống nhất chủ trương liên danh ngày 01/3/2012; Công văn số 34/KHKT ngày 26/7/2012 và công văn số 29/KHKT ngày 26/9/2013 của Công ty C gửi cho Công ty 589 thì có đủ cơ sở xác định dự án Thiết kế và xây dựng con đường tạm thời đến khu đất để xây dựng khu nghỉ mát Banyan T và công trình kiến trúc nhà kết hôn cho khu nghỉ

mát Banyan T tại thôn CD, xã L Vĩnh, huyện Phú L, tỉnh TTH (gọi là Công trình Laguna L.C) mà giữa Công ty 589 và Công ty C ký các hợp đồng thi công xây dựng số 187/2012 ngày 30/7/2012, Hợp đồng số 35/2012 ngày 30/8/2012, Hợp đồng số 16/2013 ngày 28/3/2013 và các biên bản thống nhất số 02/20113, số 32/2013 và 07/2013). Nên đề giải quyết vụ án đúng pháp luật cần đưa Công ty Cổ phần Phước Nguyên L vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Từ nhận định trên, hội đồng xét xử, xét thấy yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và X, ý kiến của luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp của bị đơn và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận nên cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án nhân dân quận B giải quyết lại vụ án theo thủ tục chung. Việc hủy án sơ thẩm, do có tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm nên cấp sơ thẩm không có lỗi.

Về nội dung: Tòa cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm về tố tụng nên hội đồng xét xử không xem xét đối với phần nội dung.

Về án phí phúc thẩm: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên Công ty Cổ phần Đầu tư và X không phải chịu án phí phúc thẩm nên được hoàn lại 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310; Điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí tòa án ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

#### **Tuyên xử :**

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần Đầu tư và X.
2. Hủy bản án sơ thẩm số 44/2018KDTM – ST ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố HCM về việc tranh chấp hợp đồng thi công, giữa: Nguyên đơn Công ty Cổ phần Tư vấn và Xây dựng C và bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư và X.
3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân quận B, Thành phố HCM giải quyết lại theo thủ tục chung.

#### 4. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Đầu tư và X không phải chịu, nên được hoàn lại 2.000.000 (hai triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2017/ 0008432 ngày 06/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận B, Thành phố HCM.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao TP.HCM;
- VKSND cấp cao TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.B;
- Chi cục THADS Q. B;
- Các đương sự;
- Lưu

**Nguyễn Thị Trinh**